

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST

Ngày 21/5/2020

“V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN TỈNH LAI CHÂU**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Văn Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Bùi Thị Minh Hải; Bà Nguyễn Thị Hồng Nguyên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thúy Phương- Thư ký tòa án nhân dân huyện Tân Uyên tỉnh Lai Châu.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên tham gia phiên tòa:*

Bà Lò Thị Kéo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Tân Uyên tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án “Hôn nhân gia đình” thụ lý số: 18/2020/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXX-ST ngày 05 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lường Thị X**- sinh năm 1986. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố x, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu.

2. Bị đơn: Anh **Tòng Văn T**- sinh năm 1983. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố x, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện, tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lường Thị X trình bày: Chị và anh Tòng Văn T qua tìm hiểu và về chung sống với nhau từ năm 2004 mà không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Tòng Văn T không quan tâm, yêu thương vợ con, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mắng chửi lẫn nhau và từ tháng 3/2017 cả hai sống ly thân, không ai quan tâm tới ai. Nay bản thân chị không còn tình cảm với anh T nên làm đơn xin ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết.

Về con chung chị và anh T có 02 con, con thứ nhất tên là Tòng Văn Đ sinh ngày 13/12/2005 và con thứ 2 tên là Tòng Ngọc A sinh ngày 12/01/2008 nguyện vọng chị X xin được nuôi dưỡng cháu Tòng Ngọc A và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/02/2020 anh Tòng Văn T trình bày: Anh và chị Lường Thị X về chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện mà không đi đăng ký kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, không có vấn đề gì xảy ra, cho đến năm 2017 chị X thường xuyên đi chơi mà không quan tâm đến gia đình, con cái. Nay chị X xin ly hôn anh T đồng ý vì lý do cũng không còn tình cảm.

Về con chung: Anh và chị X có 02 con chung, con thứ nhất tên là Tòng Văn Đ- sinh ngày 13/12/2005 và con thứ 2 tên là Tòng Ngọc A- sinh ngày 12/01/2008 nguyên vọng của anh được nuôi cả hai con và đề nghị chị X cấp dưỡng nuôi con 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*) cho mỗi con trên tháng cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ngày 06/5/2020 Tòa án đã triệu tập các đương sự để mở phiên họp và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã đảm bảo theo quy định của bộ luật Tố tụng dân sự, việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 28 và Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc tổng đạt các quyết định cho các đương sự đã đảm bảo theo quy định pháp luật. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Lường Thị X và anh Tòng Văn T. Về con chung, tại biên bản ghi lời khai của các cháu đều thể hiện các cháu có nguyện vọng được ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn và tại phiên tòa chị Lường Thị X nhất trí với đề nghị của anh Tòng Văn T, nhất trí với nguyện vọng của các con chung và đề nghị ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa chị X và anh T. Cụ thể giao cháu Tòng Văn Đ- sinh ngày 13/12/2005 và cháu Tòng Ngọc A- sinh ngày 12/01/2008 cho anh Tòng Văn T nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và chị X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho anh Tòng Văn T 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*) cho mỗi cháu trên tháng cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Thời điểm cấp dưỡng vào ngày cuối cùng của tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6 năm 2020.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

\* Về tố tụng: Việc xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền xét xử và xác định tư cách đương sự là hoàn toàn đúng theo quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 68 Bộ luật tố tụng Dân sự. Điều 15; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

\* Về nội dung vụ án: Chị Lương Thị X và anh Tòng Văn T không đăng ký kết hôn mà chỉ chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2004, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không quan tâm đến gia đình và hai vợ chồng không hợp tính cách, nay chị X không còn tình cảm với anh T nên làm đơn xin ly hôn.

Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và nhất trí ly hôn với chị Lương Thị X, về con chung đề nghị được nuôi cả hai con và yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con 500.000 đồng/tháng/con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Các con chung là Tòng Văn Đ, sinh ngày 13/12/2005 và Tòng Ngọc A, sinh ngày 12/01/2008 đều có nguyện vọng được ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lương Thị X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Tòng Văn T và nhất trí để cả hai con cho anh Tòng Văn T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị X nhất trí mức cấp dưỡng nuôi 02 con chung 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*) cho mỗi cháu trên tháng cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Thời điểm cấp dưỡng vào ngày cuối cùng của tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6 năm 2020, nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này.

Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và việc giải quyết ly hôn để chị X ổn định cuộc sống, ổn định công việc là cần thiết vì tình cảm của chị X cũng không còn dành cho anh T, hai bên cũng có sự mâu thuẫn và đã ly thân, không còn quan tâm đến nhau, chị X đã về nhà bố mẹ đẻ để ở. Nên cần tuyên hai bên không phải là vợ chồng để mỗi bên có cuộc sống ổn định riêng để làm ăn.

Về tài sản và nợ chung: Cả hai không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị Lương Thị X phải nộp án phí DSST và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 51, 53, 57; 81; 82; 83; 107; 110; 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lương Thị X và anh Tòng Văn T.

- **Về con chung:** Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa chị Lương Thị X và anh Tòng Văn T: Giao cháu Tòng Văn Đ, sinh ngày 13/12/2005 và cháu Tòng Ngọc A, sinh ngày 12/01/2008 cho anh Tòng Văn T nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chị Lương Thị X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho anh Tòng Văn T với số tiền 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*) cho mỗi cháu trên tháng cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Thời điểm cấp dưỡng vào ngày cuối cùng của tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6 năm 2020.

Chị Lương Thị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Không đề cập giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Lương Thị X phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự- Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng tiền cấp dưỡng nuôi con, số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị X đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2010/0003484 ngày 10/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu, chị X phải nộp tiếp số tiền 150.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lai Châu (01 bản);
- VKSND huyện (01 bản);
- VKSND tỉnh (01 bản);
- Chi cục THA Dân sự huyện (01 bản);
- UBND thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên;
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án (01 bản);

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lương Văn Thanh**

